

TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 912^A/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 27/11/2018

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

Tên ngành, nghề: Kế toán doanh nghiệp

Mã ngành, nghề: 6340302

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm. Trong đó:

- Thời gian học tập: 2,0 năm

- Thời gian thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm: 0,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân thực hành về kế toán doanh nghiệp trình độ cao đẳng có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đáp ứng yêu cầu công việc.
- + Hiểu được những kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao;
- + Biết được những kiến thức tin học phổ thông trong công tác kế toán doanh nghiệp;
- + Hiểu được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán trong doanh nghiệp;
- + Biết được cách cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

- + Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;
- + Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- + Tổ chức được công tác kế toán phù hợp với doanh nghiệp;
- + Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- + Phân tích được tình hình tài chính doanh nghiệp;
- + Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp;
- + Báo cáo được một số thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- + Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp;
- + Sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 (A2) Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

+ Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.

+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Chính trị, đạo đức:

+ Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

+ Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

+ Có đạo đức nghề nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi học xong nghề Kế toán doanh nghiệp, học sinh có cơ hội làm kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, kinh doanh dịch vụ.

Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 24

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 90 tín chỉ - 2.241 giờ

- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.806 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 631 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.519 giờ.

3. Nội dung chương trình:

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học, module | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-------------|---|------------------|-------------------------|------------|------------|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | LT | TH/ BT | KT |
| I | Các môn học chung/đại cương | | | | | |
| POL121(MH) | Giáo dục chính trị - 1 | 2 | 36 | 20 | 14 | 2 |
| POL122(MH) | Giáo dục chính trị - 2 | 2 | 39 | 21 | 15 | 3 |
| LAW121(MH) | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| PHE121(MH) | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| MIE141(MH) | Giáo dục quốc phòng - An ninh | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| GIF131(MH) | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| ENG131(MH) | Tiếng Anh – 1 | 3 | 72 | 25 | 43 | 4 |
| ENG132(MH) | Tiếng Anh – 2 | 2 | 48 | 16 | 30 | 2 |
| | Tổng (I) | 20 | 435 | 156 | 256 | 23 |
| II | Các môn học, module chuyên môn ngành, nghề | | | | | |
| II.1 | Môn học, module cơ sở | | | | | |
| PMA221(MH) | Toán xác suất thống kê | 2 | 36 | 22 | 12 | 2 |
| ECL231 (MH) | Luật kinh tế | 3 | 60 | 25 | 30 | 5 |
| LOA231(MH) | Pháp luật về tài chính kế toán | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| ACP241 (MH) | Nguyên lý kế toán | 4 | 75 | 40 | 30 | 5 |
| | Tổng (II.1) | 12 | 231 | 117 | 100 | 14 |
| II.2 | Môn học, module chuyên môn ngành nghề | | | | | |
| ACL3101(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp 1 | 10 | 225 | 75 | 140 | 10 |
| PRS331(MĐ) | Soạn thảo văn bản hợp đồng kinh tế | 3 | 60 | 28 | 30 | 2 |
| SME331(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| INC341(MĐ) | Tin học kế toán | 3 | 75 | 15 | 57 | 3 |
| ACL342(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp 2 | 4 | 90 | 30 | 55 | 5 |
| ACT371(MĐ) | Kế toán Thuế | 7 | 150 | 60 | 80 | 10 |
| ACE341(MĐ) | Kế toán máy | 4 | 105 | 15 | 85 | 5 |
| ACL343(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp 3 | 5 | 105 | 45 | 55 | 5 |
| MAA331(MĐ) | Kế toán quản trị chi phí | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 |
| OPA331(MĐ) | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |

| | | | | | | |
|-------------|------------------------------------|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| BUA481(MĐ) | Thực tập nghề nghiệp | 8 | 360 | 0 | 355 | 5 |
| BUA 451(MĐ) | Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm | 5 | 225 | 0 | 225 | 0 |
| | Tổng (II.2) | 58 | 1575 | 358 | 1163 | 54 |
| | Tổng (II) | 70 | 1806 | 475 | 1263 | 68 |
| | Tổng cộng | 90 | 2241 | 631 | 1519 | 91 |

Ghi chú:

- **Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ:** 67,8 %.

- **Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế:** (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm): 2.319 giờ (Trong đó: Giờ TTTN-TN = 800 giờ).

- **Quy định về thời lượng:**

+ 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+ 1 giờ học lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- **Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề (trừ TTTN-TN):**

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

- **Đối với học sinh trung cấp học ghép:**

Không phải học các MH chung: POL122, ENG122; các MH cơ sở: PMA221, LOA231 và các MĐ chuyên nghề: INC341, ACL343, MAA331, OPA331.

- **Đối với sinh viên học liên thông:**

+) Sinh viên của Nhà trường: Học thêm các MH chung: POL122, ENG122; các MH cơ sở: PMA221, LOA231 và các MĐ chuyên nghề: INC341, ACL343, MAA331, OPA331.

+) Sinh viên tốt nghiệp trung cấp ở các trường khác: Căn cứ vào kết quả học tập, Nhà trường sẽ có chương trình đào tạo cụ thể, phù hợp.

- **Nguyên tắc xây dựng Thời khóa biểu:** Nhà trường sẽ căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng TKB phù hợp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
NGÀNH NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học, module | Loại giáo án | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | | Phân theo học kỳ | | | | |
|--------------|---|--------------|------------|-------------------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------|------------|-----------|----------|
| | | | | Tổng số | Trong đó | | | HKI | HKII | HKIII | HKIV | HKV |
| | | | | | LT | TH/ BT | KT | | | | | |
| I | Các môn học chung/đại cương | | | | | | | | | | | |
| POL121(MH) | Giáo dục chính trị - 1 | Lý thuyết | 2 | 36 | 20 | 14 | 2 | | | 36 | | |
| POL122(MH) | Giáo dục chính trị - 2 | Lý thuyết | 2 | 39 | 21 | 15 | 3 | | | | 39 | |
| LAW121(MH) | Pháp luật | Lý thuyết | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 | 30 | | | | |
| PHE121(MH) | Giáo dục thể chất | Thực hành | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 | | | | 60 | |
| MIE141(MH) | Giáo dục quốc phòng - An ninh | Thực hành | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 | | | 75 | | |
| GIF131(MH) | Tin học | Thực hành | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 | 75 | | | | |
| ENG131(MH) | Tiếng Anh - 1 | Tích hợp | 3 | 72 | 25 | 43 | 4 | 72 | | | | |
| ENG122(MH) | Tiếng Anh - 2 | Tích hợp | 2 | 48 | 16 | 30 | 2 | | 48 | | | |
| | Tổng (I) | | 20 | 435 | 156 | 256 | 23 | 177 | 48 | 111 | 99 | 0 |
| II | Các môn học, module chuyên môn ngành, nghề | | | | | | | | | | | |
| II.1 | Môn học, module cơ sở | | | | | | | | | | | |
| PMA 221(MH) | Toán xác suất thống kê | Lý thuyết | 2 | 36 | 22 | 12 | 2 | 36 | | | | |
| ECL 231 (MH) | Luật kinh tế | Lý thuyết | 3 | 60 | 25 | 30 | 5 | 60 | | | | |
| LOA 231(MH) | Pháp luật về tài chính kế toán | Lý thuyết | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 | 60 | | | | |
| ACP 241 (MH) | Nguyên lý kế toán | Lý thuyết | 4 | 75 | 40 | 30 | 5 | 75 | | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|-------------|---|-----------|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | Tổng (II.1) | | 12 | 231 | 117 | 100 | 14 | 231 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II.2 | Môn học, module chuyên môn ngành nghề: | | | | | | | | | | | |
| ACL3101(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp 1 | Tích hợp | 10 | 225 | 75 | 140 | 10 | | 225 | | | |
| PRS331(MĐ) | Soạn thảo văn bản hợp đồng kinh tế | Tích hợp | 3 | 60 | 28 | 30 | 2 | 60 | | | | |
| SME331(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ | Tích hợp | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 | | | 60 | | |
| INC 331(MĐ) | Tin học kế toán | Tích hợp | 3 | 75 | 15 | 57 | 3 | | 75 | | | |
| ACL342(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp 2 | Tích hợp | 4 | 90 | 30 | 55 | 5 | | | 90 | | |
| ACT371(MĐ) | Kế toán Thuế | Tích hợp | 7 | 150 | 60 | 80 | 10 | | | 150 | | |
| ACE341(MĐ) | Kế toán máy | Tích hợp | 4 | 105 | 15 | 85 | 5 | | | 105 | | |
| ACL353(MĐ) | Kế toán doanh nghiệp 3 | Tích hợp | 5 | 105 | 45 | 55 | 5 | | | | 105 | |
| MAA331(MĐ) | Kế toán quản trị chi phí | Tích hợp | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 | | 60 | | | |
| OPA331(MĐ) | Phân tích hoạt động kinh doanh | Tích hợp | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 | | 60 | | | |
| BUA481(MĐ) | Thực tập nghề nghiệp | Thực hành | 8 | 360 | 0 | 355 | 5 | | | | 360 | |
| BUA 451(MĐ) | Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm | Thực hành | 5 | 225 | 0 | 225 | 0 | | | | | 225 |
| | Tổng (II.2) | | 58 | 1575 | 358 | 1163 | 54 | 60 | 420 | 405 | 465 | 225 |
| | Tổng (II) | | 70 | 1806 | 475 | 1263 | 68 | 291 | 420 | 405 | 465 | 225 |
| | Tổng cộng | | 90 | 2241 | 631 | 1519 | 91 | 468 | 468 | 516 | 564 | 225 |
| | Tổng giờ theo HK | | | | | | | 468 | 468 | 516 | 564 | 225 |

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của ngành Kế toán doanh nghiệp được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ quan, đơn vị phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

| TT | Nội dung | Thời gian |
|----|---|---|
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Thăm quan, dã ngoại | Mỗi học kỳ 1 lần |

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 654*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 654.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng